



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4 (TS4)

SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY NO.4

320 Hưng Phú – Phường 9 – Quận 8 – T/P Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 39543361 – 39543363 Fax : (84-8) 39543362.

Email : donglanh4@hcm.vnn.vn Web site : seafoodno4.com

-----oOo-----

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

I. Lịch sử hoạt động Công Ty

Tên doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4

Địa chỉ : 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. HCM.

Hình thức sở hữu : Cổ phần

Hoạt động kinh doanh chính: Thu mua, chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, súc sản. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm phục vụ cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành. Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh. Sản xuất kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Kinh doanh nhà; cho thuê văn phòng. Sản xuất, gia công. Mua bán hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm).

• Quá trình từ khi thành lập:

- Công Ty Cổ Phần Thủy Sản 4 là đơn vị được thành lập từ việc sáp nhập hai đơn vị mà đã được Nhà Nước quốc hữu hóa là xí nghiệp Tân Hải Nam và xí nghiệp Thái Bình. Hai xí nghiệp trên được thành lập trước năm 1975, đến năm 1978 Bộ Thủy Sản ra quyết định chuyển thành Doanh Nghiệp Nhà Nước (DNNN). Đến năm 1993 thành lập lại DNNN theo nghị định 388. Là DNNN trực thuộc Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam, có trụ sở chính tại 2-4-6 Đồng Khởi, Q1, TP. HCM.
- Đến ngày 11/06/2001 chuyển thành Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Thủy Sản 4 căn cứ vào:
 - + Luật DNNN được Quốc Hội nước CHXHCNVN khóa IX thông qua ngày 20/04/1995.
 - + Nghị Định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/06/1998 của Chính phủ về chuyển DNNN thành Công Ty Cổ Phần.
 - + Luật Doanh Nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc Hội khóa X của CHXHCNVN ban hành ngày 21/06/1999.

+ Quyết Định số 09/2001/QĐ-TT ngày 11/01/2001 của Thủ Tướng Chính phủ về việc chuyển DNNN Công ty XNK và Chế Biến Thủy Sản Đông Lạnh 4 thuộc Tổng Công Thủy Sản Việt Nam thành Công Ty Cổ Phần.

• **Sản phẩm & dịch vụ chủ yếu:**

- Nhóm cá đông : Cá đục fillet bướm, mảnh, cá các loại nguyên con, cá basa fillet, cắt khúc.
- Nhóm mực đông : Mực fillet, mực cắt khúc.
- Nhóm tôm đông : Tôm càng đông lạnh.
- Nhóm thủy sản khác : Ghẹ nguyên con đông lạnh, ghẹ cắt, bắp, ớt hiểm, ghẹ nhồi mai

• **Vị thế và danh tiếng trên thị trường:**

- Về thị trường: Công ty giữ vững và ổn định ở các thị trường chính là: Nhật (49,00%) chủ yếu là tiêu thụ mực, ghẹ, Mỹ (17,80%) mặt hàng tiêu thụ là cá đông nguyên con các loại, trái cây, nông sản, Thái Lan (24,20%) là cá đục fillet, Úc (7,20%) tiêu thụ các mặt hàng: cá đục fillet, các thị trường khác (1,80%). Ở thị trường Nhật Công ty đang cố gắng tìm thêm khách hàng mới, với thị trường Mỹ, khách hàng là cổ đông chiến lược của Công ty đã giúp cho Công Ty mở rộng thêm nhiều mặt hàng mới, tiếp tục phát triển, sản xuất mặt hàng tôm càng để đẩy mạnh doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Về sản phẩm: Nhà máy tại Kiên Giang phải phát huy được thế mạnh để sản xuất những mặt hàng có giá trị gia tăng như: Hàng Sushi, hàng chế biến ăn liền..., tiếp tục phát huy các mặt hàng trái cây, nông sản để giảm bớt áp lực cạnh tranh trong những tháng ít nguyên liệu.

- Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản 4 – Đồng Tâm đã đi vào hoạt động trong Quý 03 năm 2009, chuyên chế biến cá tra, cá Basa mở rộng sản phẩm và thị trường, sẽ hạn chế lệ thuộc nguồn nguyên liệu từ đánh bắt, trong năm 2009 Công Ty đã có doanh thu từ nhà máy này.

A) BÁO CÁO CỦA HĐQT :

Ông Võ Phước Hoà – Chủ tịch HĐQT Công ty đánh giá :

* Kết quả hoạt động SXKD năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán :

- Tổng Doanh thu : 290,826 Tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 30,305 Tỷ đồng.

- Với sự nỗ lực, quyết tâm của Ban Điều Hành và toàn thể Cán bộ công nhân viên trong công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư đã đạt được kết quả như sau:

Tổng doanh thu: đạt 100% kế hoạch đã điều chỉnh, và tăng 58,5% so với cùng kỳ.

LN trước thuế: đạt 101% so với kế hoạch đã điều chỉnh và tăng 84,20% so với cùng kỳ.

- Nhà máy chế biến cá Tra, basa tại Đồng Tháp trong quý 03 năm 2009 đi vào hoạt động, và Dự án Chung cư cao cấp tại 331 Bến Vân Đồn – Quận 4 đã và đang xây dựng hoàn thiện phần thân, dự kiến đến quý 02/2010 sẽ bàn giao căn hộ.

Nói chung trong năm 2009 với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể cán bộ quản lý trong công ty đã cố gắng thực hiện các Nghị quyết HĐQT, xây dựng kế hoạch kinh

doanh, phương án đầu tư và đưa ra các giải pháp thực hiện đúng lúc, kịp thời. Năm 2009 tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, vẫn bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế nhưng hoạt động SXKD của Công Ty vẫn đạt được hiệu quả nhất định, bảo đảm công ăn việc làm cho người lao động. HĐQT đánh giá và ghi nhận những đóng góp đó của Ban điều hành cùng toàn thể CBNV Công ty.

Công ty cần có kế hoạch đào tạo đội ngũ Cán bộ lãnh đạo và Cán bộ khung cho Nhà máy Đồng Tâm, để khi Nhà máy đi vào hoạt động đạt hiệu quả ngay từ năm đầu.

Chất lượng sản phẩm cần chú trọng nhiều hơn, và đa dạng hoá mặt hàng, phát triển thị trường Châu Âu nhằm tận dụng hết công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, tăng thêm Doanh thu và Lợi nhuận cho Công ty.

B) BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2009

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

Năm 2009, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có những diễn biến phức tạp với sự tác động ngày càng rõ hơn và trầm trọng hơn của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, quá trình phục hồi chậm của nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới như: Mỹ, EU, Nhật..., thủy sản Việt Nam tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức có tác động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Công ty Cổ phần thủy sản số 4 có những thuận lợi và khó khăn như sau:

1) Thuận lợi :

- Công ty đã tận dụng tốt các gói kích cầu đầu tư, chính sách hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng, các biện pháp giảm, giãn thuế, chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt... của Chính phủ để mang lại hiệu quả trong hoạt động SXKD.

- HĐQT Công ty đã có những định hướng đúng đắn, đặc biệt là Ban Lãnh đạo Công ty và đội ngũ cán bộ chủ chốt khá nhạy bén, có nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với Công ty.

- Các khách hàng của Công ty tại các thị trường chính là: Nhật Bản, Mỹ, Thái Lan... vẫn được giữ vững. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được chú trọng và nâng cao nên luôn được khách hàng tin tưởng.

2) Khó khăn :

- Năm 2009, Công ty vừa duy trì sản xuất vừa gấp rút hoàn thành xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản tại Đồng Tháp nên Cán bộ lãnh đạo của Công ty phải kiêm nhiệm thêm nhiều công việc, phải tập trung nguồn vốn đồng thời với việc tuyển dụng và đào tạo tay nghề cho Cán bộ quản lý, công nhân chế biến... cho Nhà máy mới.

- Do tác động của suy thoái kinh tế thế giới nên trong 6 tháng đầu năm sức mua của người tiêu dùng giảm đã khiến cho nhu cầu nhập khẩu và giá xuất khẩu ở một số thị trường trọng điểm như: EU, Mỹ, Nhật... sụt giảm mạnh.

- Nguyên liệu cho sản xuất trong nước thường xuyên thiếu hụt và cạnh tranh giá gay gắt giữa các Công ty cùng ngành, bên cạnh đó các chi phí về : bao bì, nhiên liệu ... tăng cao cũng đẩy chi phí giá thành lên cao.

- Vấn đề đảm bảo VSATTP cho các thị trường, đặc biệt là Thị trường Nhật Bản đang hết sức khó khăn do vấn đề dư lượng kháng sinh, tạp chất chủ yếu trong nguyên liệu đầu vào chưa kiểm soát được. Với thị trường Mỹ, Công ty chưa tham gia vụ kiện chống bán phá giá Tôm và Cá Ba sa nên gặp nhiều khó khăn khi xuất khẩu các mặt hàng này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2009 :

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty đã có những định hướng phù hợp, kịp thời để Công ty hoạt động có hiệu quả, bảo đảm đời sống và việc làm cho CB.CNV.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm của Công ty, Tháng 07/2009, HĐQT đã quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD, cụ thể : Doanh thu từ 200 Tỷ lên 290 Tỷ đồng và lợi nhuận từ 11,3 tỷ lên 30 Tỷ đồng. Kết quả năm 2009 Công ty đã đạt được như sau :

- Doanh thu : 290,826 Tỷ đồng - đạt 100 % so với KH đã điều chỉnh và tăng 58,5 % so với cùng kỳ
- Lợi nhuận : 30,305 Tỷ đồng - đạt 101 % so với KH đã điều chỉnh và tăng 84,2 % so với cùng kỳ

*** Kết quả thực hiện SXKD :**

1) Về Sản xuất chế biến, xuất khẩu :

✓ Về sản lượng SXCB :

- Sản lượng chế biến : 1.833 Tấn – Đạt 73,32% so với KH
83,89% so với cùng kỳ

Trong đó :

- Tôm đông : 118 Tấn – Đạt 203,4% so với cùng kỳ
- Mực đông : 539 Tấn – 56,3%
- Cá đông : 1.066 Tấn – 155,2 %
- Thủy sản khác : 108 Tấn – 25,3%
- Trái cây, Nông sản : 2 Tấn – 3,6 %

✓ Về xuất khẩu :

- Giá trị xuất khẩu : 7,4 Triệu USD - Đạt 61,7 % so với KH
71,8% so với cùng kỳ
- Sản lượng xuất khẩu : 1.472 Tấn - Đạt 61,3% so với KH
66,9 % so với cùng kỳ

✓ Cơ cấu thị trường XK năm 2009 :

- Mỹ : 17,8 %

- Nhật : 49,0 %
- Thái Lan : 24,2 %
- Úc : 7,2 %
- Các thị trường khác : 1,8 %

2) **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

CHỈ TIÊU	Năm 2009
Tổng doanh thu	290.826.009.852
Các khoản giảm trừ	770.234.939
Doanh thu thuần	290.055.774.913
Giá vốn hàng bán	248.828.275.091
Lợi nhuận gộp	41.227.499.822
Doanh thu hoạt động tài chính	997.283.358
Chi phí hoạt động tài chính	1.751.248.503
Trong đó : Chi phí lãi vay	1.194.781.608
Chi phí bán hàng	6.878.095.980
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.719.131.471
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.876.307.226
Thu nhập khác	440.109.401
Chi phí khác	11.297.251
Lợi nhuận khác	428.812.150
Tổng lợi nhuận trước thuế	30.305.119.376
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
Lợi nhuận sau thuế	30.305.119.376
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	3.578

- *Số liệu này đã được kiểm toán*

❖ **Phân phối lợi nhuận trước thuế : 30.305.119.376 đồng**

- Chia cổ tức dự kiến 16% (Vốn điều lệ) : 13.552.560.000
- Thuế TNDN (Tạm nộp) : 2.952.647.558
- Quỹ Dự phòng Tài chính : 500.000.000
- Quỹ Phúc lợi khen thưởng : 1.578.886.148
- Trích lập dự phòng nợ khó đòi : 500.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối : 11.221.025.670

Trước những thuận lợi và khó khăn trên , HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty đã có những định hướng phù hợp , kịp thời để Công ty hoạt động có hiệu quả , bảo đảm đời sống và việc làm cho CB.CNV .

III . ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬA CHỮA NÂNG CẤP NHÀ XƯỞNG VÀ ĐẦU TƯ THIẾT BỊ :

Tổng giá trị đầu tư năm 2009 được Đại hội cổ đông thông qua ngày 27/03/2009 và giao cho Ban Điều hành thực hiện là : **230 Tỷ đồng**

Chia ra : + Đầu tư cho nhà máy Đồng Tháp : 130 Tỷ đồng

+ Chung cư tại 331 Bến Vân Đồn : 85 Tỷ đồng

+ Nhà máy tại khu CN Long Hậu : 15 Tỷ đồng

Ban Điều hành đã thực hiện được những phần công việc cụ thể như sau :

Tổng giá trị đầu tư năm 2009 : 256.394.539.865 Đồng

Trong đó :

*** Đầu tư Nhà máy Đồng Tháp : 183.581.589.684 Đồng**

- Xây dựng, tư vấn, giám sát : 91.080.497.791

- Máy móc thiết bị : 56.043.652.051

- Phương tiện vận tải : 9.417.645.317

- Lãi vay, lương đào tạo , vật tư, : 27.039.794.525

Dụng cụ SX , công tác phí ...

*** Đầu tư Chung cư TP/HCM : 72.558.055.181 Đồng**

- Xây dựng : 66.891.454.898

- Môi giới : 1.069.141.601

- Lãi vay : 4.256.888.588

- Chi phí khác (Điện, nước, q/cáo) : 340.570.094

*** Đầu tư tại Khu CN Long Hậu : 254.895.000 Đồng**

- Lương , kinh phí hoạt động : 111.295.000

- Thiết kế : 132.000.000

- Phí tác động môi trường : 11.600.000

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2010

I) PHƯƠNG HƯỚNG , NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2010 :

1) Nhận định tình hình :

Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế ngành Thủy sản , năm 2010 khó khăn cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam chủ yếu vẫn là xu hướng bảo hộ thương mại , các hàng rào kỹ thuật , kiểm dịch chặt chẽ và thường xuyên ban hành các tiêu chuẩn mới khắt khe hơn về dư lượng kháng sinh và an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu . Đặc biệt từ 01/01/2010 EU chính thức áp dụng quy định IUU về truy suất nguồn gốc thủy sản đánh bắt ngoài biển . Thị trường Úc cũng áp dụng luật khá khắt khe về trọng lượng thủy sản nhập khẩu và mới đây là quyết định kiểm tra nghiêm ngặt dư lượng Malachite green (chất diệt trùng , nấm , ký sinh trùng ...) trong tất cả các lô hàng thủy sản nuôi nhập khẩu .

Ngoài các khó khăn mang tính khách quan , bản thân các doanh nghiệp cũng đang gặp phải khó khăn lớn là vấn đề thiếu nguyên liệu sản xuất . Chính vì không chủ động được nguồn nguyên liệu nên dẫn tới tình trạng tranh mua tranh bán , không kiểm soát được chất lượng , không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các nước nhập khẩu .

Năm 2010 các doanh nghiệp sản xuất chế biến cũng không còn được hưởng lãi suất ưu đãi từ Chính phủ, cộng thêm chính sách thắt chặt tín dụng của Ngân hàng Nhà nước , giá điện , nước , xăng dầu ... tăng cũng sẽ làm chi phí đầu vào , ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .

2) Chiến lược phát triển :

Căn cứ vào tình hình trên , Hội đồng quản trị Công ty đã có định hướng cho chiến lược phát triển trong những năm tới , đó là :

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty lên 115 tỷ đồng nhằm bổ sung nguồn vốn cho Dự án đầu tư vùng nuôi , cung cấp nguyên liệu ổn định và đạt tiêu chuẩn cho Nhà máy CBTS Đồng Tâm .

- Đưa Nhà máy Đồng Tâm đi vào hoạt động ổn định để tăng thêm doanh thu và hiệu quả cho Công ty .

- Phát huy những lợi thế sẵn có về : khách hàng , nguồn nguyên liệu để tiếp tục tăng trưởng . Trong hoạt động SXCB điều quan trọng là phải giữ ổn định chất lượng sản phẩm , tuân thủ nghiêm các quy định về đảm bảo chất lượng và VSATTP để giữ vững thị trường .

- Tiếp tục hoàn thiện xây dựng chung cư cao cấp tại Quận 4 và lên phương án kinh doanh các căn hộ còn lại để đem lại lợi nhuận cho Công ty , dự kiến sẽ giao nhà vào quý 2 / 2010.

- Long Hậu : đang trong giai đoạn xin phép , dự kiến sẽ khởi công vào tháng 6/2010 , bao gồm Kho lạnh 15.000 tấn , Nhà máy chế biến thủy sản công suất 2.000 tấn / năm và khối văn phòng , song song với việc xin chuyển quyền sử dụng khu đất tại số 320 Hưng Phú – Phường 9 – Quận 8 – T/P HCM với mục đích xây dựng Chung cư và thương mại .

3) Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm nay Nhà máy CBTS Đồng Tâm đã đi vào hoạt động , tuy nhiên trong năm đầu tiên chủ yếu là ổn định sản xuất và tìm kiếm khách hàng , nguồn hàng . Do đó , Ban lãnh đạo Công ty dự kiến đưa ra kế hoạch trong năm 2010 như sau :

- Tổng Doanh thu	:	450 Tỷ đồng – Tăng 155,4% so 2009
- Sản lượng sản xuất	:	5.000 Tấn – Tăng 272,8% “
- Sản lượng xuất khẩu	:	4.500 Tấn – Tăng 305,7% “
- Giá trị xuất khẩu	:	16 Triệu USD – Tăng 216,2% “
- Lợi nhuận trước thuế	:	35 Tỷ đồng – Đạt 7,78% / Tổng D.Thu

Dự kiến chia ra :

+ Chia cổ tức (15%)	:	17,25	Tỷ đồng
+ Thuế Thu nhập DN	:	3,00	Tỷ đồng
+ Quỹ Phúc lợi, KT	:	3,75	Tỷ đồng
+ Quỹ Dự phòng bắt buộc	:	0,50	Tỷ đồng
+ Lập dự phòng nợ khó đòi	:	0,50	Tỷ đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối	:	10,00	Tỷ đồng

4) Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2010 :

Tổng giá trị đầu tư dự kiến : 110 Tỷ Đồng

Chia ra :

* Đầu tư cho Dự án nuôi tại Đồng Tháp	:	20	Tỷ đồng
* Chung cư tại 331 Bến Vân Đồn	:	45	Tỷ đồng
* Nhà máy tại Khu CN Long Hậu	:	45	Tỷ đồng

* Tiến độ thực hiện :

1. Dự án nuôi tại Đồng Tháp :

Trong năm 2009 Công ty đã đầu tư được 20 Ha đất nuôi trồng thủy sản , đã thả nuôi 5,5 Triệu con giống cá Tra đến tháng 07/2010 sẽ bắt đầu thu hoạch . Khi đó sẽ đảm bảo được 70% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy .

Trong năm 2010 dự kiến đầu tư thêm 20 Ha , với việc đưa vào ổn định và nâng cao công suất của Nhà máy (100 tấn nguyên liệu / ngày) thì nguyên liệu tự cung của việc nuôi vẫn đảm bảo 70% nhu cầu .

2. Chung cư tại 331 Bến Vân Đồn – Quận 4 :

Đến hết năm 2009 chung cư trong giai đoạn hoàn thiện lắp đặt thiết bị , tất cả các gói thầu đều đạt tiến độ đề ra . Dự kiến đến 30/4/2010 là hoàn tất và bàn giao căn hộ vào quý 2/2010 . Hiện tại đã bán được 70% số lượng căn hộ tại chung cư .

3. Tại Khu CN Long Hậu :

Đã gửi hồ sơ xin phép và Công ty đã tiến hành lập dự án và làm việc tài trợ (cho vay 50%) với Ngân hàng ACB . Nếu thuận tiện sẽ khởi công trong tháng 6 / 2010 và đưa vào sử dụng đầu năm 2012 sau 18 tháng thi công gồm : Kho lạnh 15.000 Tấn , Nhà máy chế biến thủy sản công suất 2.000 Tấn/năm và khối nhà làm việc của Văn phòng .

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN :

Để thực hiện được những mục tiêu định hướng đã đề ra trong năm nay đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và toàn thể Cán bộ CNV . Công ty dự kiến một số giải pháp cơ bản sẽ được thực hiện như sau :

1) Về công tác tổ chức cán bộ :

Có chế độ đãi ngộ thu hút nhân tài , xây dựng và cải tiến chính sách lương, thưởng cho cán bộ CNV nhằm củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý năng động , đảm bảo sức cạnh tranh và thu nhận lao động có tay nghề , phù hợp với yêu cầu ngày càng phát triển của Công ty .

Ổn định tổ chức , tăng cường bổ sung Cán bộ cho phù hợp với chức năng của Nhà máy chế biến Đồng Tâm theo phương châm : Kết hợp đào tạo tại chỗ với việc thu nhận cán bộ năng động , có nhiều kinh nghiệm trong nghề .

Tổ chức huấn luyện đào tạo nâng cao tay nghề , bồi dưỡng kiến thức về các tiêu chuẩn chất lượng như : HACCP , ISO..., tổ chức thi nâng bậc hàng năm cho công nhân trực tiếp sản xuất .

Phát huy sự đoàn kết nội bộ của Công ty, phối hợp chặt chẽ giữa Chính quyền , Chi bộ đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên cơ sở trong việc tổ chức lãnh đạo thực hiện kế hoạch do Đại hội cổ đông thông qua.

2) Về tiền lương thi đua khen thưởng và kỷ luật:

- Tiếp tục áp dụng chế độ lương, thưởng và phụ cấp kiêm nhiệm , phụ cấp xa nhà cho những Cán bộ, CNV đi công tác tại các Nhà máy Kiên Giang, Đồng Tháp .

- Đối với lao động trực tiếp sản xuất : trả lương theo sản phẩm

- Đối với lao động gián tiếp : Trả lương theo khoán tỷ lệ trên kết quả sản phẩm sản xuất của từng Nhà máy .

- Thực hiện tốt mọi chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước như : BHXH, BHYT, khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát hàng năm...

- Duy trì hình thức khen thưởng hàng tháng cho CNV có năng suất , ngày công cao để thúc đẩy sản xuất . Bên cạnh đó, có những biện pháp xử lý kỷ luật hợp lý đối với các CB CNV vi phạm nội qui, điều lệ của Công ty, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công.

3) Về điều hành hoạt động SXKD :

Về Sản xuất chế biến :

Đẩy mạnh sản xuất Cá tra tại Nhà máy Đồng Tâm ,tăng cường về số lượng và ổn định về chất lượng . Xây dựng vùng nguyên liệu qua hình thức tự nuôi để có nguồn nguyên liệu ổn định và đạt tiêu chuẩn , phần mua thêm bên ngoài cũng phải được kiểm tra chặt chẽ về chất lượng cá .

Phải có kế hoạch đào tạo tay nghề cho người lao động, nâng cao ý thức về việc duy trì chất lượng và VSATTP , quản lý tốt từ khâu nguyên liệu , trong quá trình sản xuất đến khâu bảo quản và xuất khẩu . Thành phẩm sản xuất ra có chất lượng ổn định và đạt tiêu chuẩn XK , giữ vững lòng tin của khách hàng .

Tiếp tục thực hiện các Quy chế về sản xuất chế biến , xuất khẩu , thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm : từ định mức tiêu hao nguyên liệu sản xuất , chi phí sản xuất đến chi phí quản lý ... nhằm giảm giá thành sản phẩm , tăng sức cạnh tranh trên thị trường .

Về công tác thị trường :

Tìm đầu ra ổn định cho mặt hàng Cá Tra, Basa tại Nhà máy Đồng Tâm thông qua : các khách hàng cũ, các Hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước , các văn phòng đại diện tại VN và qua các phương tiện thông tin khác . Đây là nhiệm vụ nặng nề và cấp bách của Công ty trong năm nay .

Củng cố thị trường Nhật Bản để phát huy hết thế mạnh của Nhà máy Kiên Giang là : nguồn nguyên liệu và nhân công nhiều . Giữ vững thị trường Mỹ để tận dụng sản xuất nguồn Cá nước ngọt , nông sản, trái cây ... cho Nhà máy tại T/P HCM .

Nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường tiêu thụ bằng các sản phẩm đặc trưng và các sản phẩm mới . Đảm bảo chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn và thực hiện đúng các điều khoản Hợp đồng đã ký với khách hàng .

3) Về Tài chính :

Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định .

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu được từ việc phát hành thêm 3.029.650 cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 115 Tỷ đồng (Dự kiến thu về hơn 60 Tỷ đồng) để đầu tư vùng nuôi Cá Tra cung cấp khoảng 70% lượng nguyên liệu cho Nhà máy chế biến Đồng Tâm .

Tích cực liên hệ với các Ngân hàng , các tổ chức tài chính để huy động nguồn vốn vay với lãi suất thấp và thời hạn dài .

4) Về Đầu tư :

Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng Chung cư 331 Bến Vân Đồn theo đúng kế hoạch và sớm mang lại hiệu quả cho Công ty .

Hoàn thiện thiết kế và các thủ tục cần thiết để khởi công xây dựng Nhà máy chế biến tại Long Hậu theo đúng kế hoạch đã trình Đại hội cổ đông .

Tiến hành làm các văn bản xin Thành phố chuyển đổi mục đích sử dụng tại Nhà máy 320 Hưng Phú – Phường 9 – Quận 8 – TP/HCM .

III) BÁO CÁO CHI THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2009 VÀ KẾ HOẠCH CHI NĂM 2010 :

Năm 2009 tổng chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty là : 276.000.000 đồng .

Năm 2010 , do quy mô hoạt động của Công ty mở rộng , Ban lãnh đạo Công ty dự kiến mức chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát Công ty như sau :

- Chủ tịch HĐQT : 6.000.000 Đồng/Tháng
- Phó CT. HĐQT : 5.000.000 “
- Ủy viên HĐQT : 4.000.000 “
- Trưởng ban KS : 3.000.000 “
- Ủy viên BKS : 2.000.000 “

Trên đây là một số giải pháp chung có tính chất định hướng để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2010 của Công ty . Rất mong các Quý vị cổ đông thảo luận đóng góp bổ sung cho hoàn chỉnh . Ban lãnh đạo Công ty sẽ tùy điều kiện và tình hình cụ thể mà có những kế hoạch, giải pháp trong từng thời điểm trình HĐQT để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho .

Ban lãnh đạo Công ty kính chúc Đại hội thành công và xin hứa sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông đã đề ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 4 trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2009.

1. Các hoạt động chính

Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000436 ngày 31 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2001). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0302317620 (thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 9 năm 2009).

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, thủy hải sản, súc sản. Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh. Kinh doanh nhà; cho thuê văn phòng. Sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy nhuộm, hồ, in). Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thủy hải sản, nông sản (trừ gạo, đường mía, đường củ cải), súc sản và các loại hàng hóa, vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm phục vụ cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành, hàng may mặc. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến thực phẩm tươi sống). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ 84.703.500.000 đ.

Trụ sở chính đặt tại: 320 Hưng Phú - Quận 8 - Tp.HCM.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Võ Phước Hòa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Lực	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Năm	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Bà Đào Thị Bích Hằng	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Bà Huỳnh Thị Kim Anh	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Lực	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Năm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Bích Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Thị Kim Anh	Phó Tổng Giám đốc

3. Kết quả hoạt động

Tổng doanh thu và thu nhập khác	291,493,167,672	VND
Tổng chi phí	261,688,048,296	VND
Lợi nhuận trước thuế	29,805,119,376	VND

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành Phố Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định kiểm toán cho niên độ tài chính kết thúc 31/12/2009.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám Đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các Báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.

- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Lực

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,157,063,311	91,624,18
I. Tiền	110		13,206,768,148	3,484,75
1. Tiền	111	V. 01	13,206,768,148	3,484,75
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69,816,220,352	63,811,08
1. Phải thu khách hàng	131		29,021,612,453	27,872,84
2. Trả trước cho người bán	132		37,927,889,211	35,860,34
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V. 03	4,866,718,688	1,577,89
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,000,000,000)	(1,500,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140		53,943,544,125	20,375,49
1. Hàng tồn kho	141	V. 04	53,943,544,125	20,375,49
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,190,530,686	3,952,85
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		536,586,987	863,74
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		603,841,493	1,727,90
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V. 05	368,766,429	371,76
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		681,335,777	989,44
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		227,588,886,840	153,030,73
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		226,474,039,206	151,484,80

1. TSCĐ hữu hình	221	V. 08	29,811,812,993	31,760,47
- Nguyên giá	222		43,343,654,343	43,644,55
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13,531,841,350)	(11,884,080)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
3. TSCĐ vô hình	227			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V. 11	196,662,226,213	119,724,32
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,114,847,634	1,545,93
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 14	1,114,847,634	1,545,93
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		366,745,950,151	244,654,92
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		194,282,272,379	87,200,96
I. Nợ ngắn hạn	310		51,695,642,518	39,531,58
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V. 15	37,385,902,562	29,149,93
2. Phải trả cho người bán	312		7,308,554,439	2,388,33
3. Người mua trả tiền trước	313		704,725,256	7,043,98
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V. 16	2,952,647,558	
5. Phải trả người lao động	315		1,001,954,792	776,93
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V. 18	2,341,857,911	172,39
II. Nợ dài hạn	330		142,586,629,861	47,669,37
3. Phải trả dài hạn khác	333		50,000,000	200,00
4. Vay và nợ dài hạn	334	V. 20	142,536,629,861	47,469,37
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172,463,677,772	157,453,95

I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V. 22	172,788,144,030	157,886,31
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84,703,500,000	84,703,50
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,558,245,765	58,558,24
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(8,352,000)	(8,352
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(341,861,197)	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,487,848,558	5,487,84
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,345,000,000	2,045,00
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		22,043,762,904	7,100,07
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(324,466,258)	(432,35
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(324,466,258)	(432,35
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		366,745,950,151	244,654,92

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01
5. Ngoại tệ các loại		848.68	104,4
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		848.68	104,4

TP.HCM, ngày 05 tháng 2 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thanh Nga

Nguyễn Văn Lực

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã
(Ban hành theo QĐ số

Ngày 20/3/2006 của Bộ

Đơn vị tính: Đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2009	NĂM 200
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	290,826,009,852	183,434,568,698
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	770,234,939	2,911,810,75
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	VI.27		180,522,757,941

				290,055,774,913	
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	248,828,275,091	155,509,481,62
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		<u>41,227,499,822</u>	<u>25,013,276,317</u>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	997,283,358	2,301,683,644
7	Chi phí tài chính	22	VI.30	1,751,248,503	3,824,601,387
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,194,781,608	3,056,255,579
8	Chi phí bán hàng	24		6,878,095,980	9,889,264,964
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,219,131,471	4,114,098,590
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>29,376,307,226</u>	<u>9,486,995,020</u>
11	Thu nhập khác	31		440,109,401	930,698,463
12	Chi phí khác	32		11,297,251	8,299,862
13	Lợi nhuận khác	40		428,812,150	922,398,601
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>29,805,119,376</u>	<u>10,409,393,621</u>
	Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế TNDN			30,791,231,625	10,008,995,862
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI. 31	3,622,048,582	1,772,327,728
	Chi phí thuế TNDN miễn giảm			669,401,023	1,570,476,941
	Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp			2,952,647,558	201,850,787
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26,852,471,818	10,207,542,834
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>3,170</u>	<u>1,205</u>

TP.HCM, ngày 05 tháng 2 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thanh Nga

Nguyễn Văn Lực

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số
(Ban hành theo QĐ số 1

Ngày 20/3/2006 của Bộ T

Đơn vị tính: Đôn

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2009	NĂM 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29,805,119,376	10,409,393,621
2. Điều chỉnh cho các khoản				#
Khấu hao tài sản cố định	02		2,291,774,070	2,246,031,001
Các khoản dự phòng	03		500,000,000	500,000,000
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04		(32,564,336)	79,745,325
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		786,529,481	1,748,041,356
Chi phí lãi vay	06		1,194,781,608	62,779,604
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		34,545,640,199	# 15,045,990,907
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(3,851,475,378)	(27,101,337,680)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(33,568,046,047)	644,621,524
Tăng/ giảm các khoản phải trả	11		970,309,168	(2,124,905,248)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		758,237,402	265,673,288
Tiền lãi vay đã trả	13		(1,194,781,608)	(3,056,255,579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,026,364,386)	(543,060,528)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		296,717,190	839,199,911
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,343,955,160)	(3,722,793,034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7,413,718,620)	(19,752,866,439)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(77,031,009,748)	(77,399,138,345)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22			68,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		420,430,240	163,562,277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76,610,579,508)	(77,167,394,250)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		46,681,503,333
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	207,218,299,811	166,348,442,448
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105,699,577,156)	(109,182,239,027)
6. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(7,772,410,800)	(7,461,927,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	93,746,311,855	96,385,779,754
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9,722,013,727	# (534,480,935)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,484,754,421	4,019,235,356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13,206,768,148	3,484,754,421

TP.HCM, ngày 05 tháng 2 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập:

Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000436 ngày 31 tháng 5 năm 2009.

Trụ sở chính đặt tại: 320 Hưng Phú - Quận 8 - Tp.HCM.

Công Ty có các Chi nhánh:

Chi nhánh tại Kiên Giang tại Khu Công Nghiệp cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Chi nhánh tại Đồng Tháp : Cụm Công Nghiệp Bình Thành, huyện Thanh Bình tỉnh Đồng Tháp.

1 Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ: 84.703.500.000 đ.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.

3 Ngành nghề kinh doanh:

Chế biến các mặt hàng thủy hải sản, nông sản, thủy hải sản, súc sản. Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị cơ điện tử, thiết bị, công nghệ phẩm phục vụ cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh trong và ngoài ngành, hàng may mặc. Nuôi trồng t

4 Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

- Ngoài lĩnh vực kinh doanh thủy sản truyền thống như hàng năm, năm 2009 dự án văn phòng làm việc và căn hộ chung cư c tài chính 2009.

5 Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 977 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 129 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1 Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 thá

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền c

3 Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác được ghi nhận và đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được thực hiện theo phương pháp tỷ giá hối đoái.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phân bổ tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào chi phí đầu tư xây dựng theo phương pháp tỷ giá hối đoái.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu khó đòi.

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp để có mặt hàng tồn kho sẵn sàng để bán.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá hàng tồn kho) được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế thì nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào chi phí.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

6 Xây dựng cơ bản dở dang:

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong kỳ.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho thuê tài sản quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân.

10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi phí trả trước ngắn hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không vượt quá 12 tháng.

10.2 Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 1 năm trở lên.

12 Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác :

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc được hạch toán vào chi phí.

Dự phòng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán khi do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và

Khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải

15 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phần

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu

Ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái: Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên

15 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội

16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:

16.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản:

Doanh thu bán căn hộ và nhà được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền

16.2 Doanh thu bán hàng:

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá

16.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí.

16.4 Doanh thu cho thuê tài sản:

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên giá trị gốc của tài sản.

16.5 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi được đánh giá thấp.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất áp dụng.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế (tiếp theo):

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa giá trị ghi sổ và giá trị thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để chi trả.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ các giao dịch không phải là hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp lệ để chi trả thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

18 Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng VNĐ

Tiền gửi ngân hàng USD

Cộng

3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Tiền thuế GTGT còn được hoàn

Thuế TNDN tạm nộp 2% từ thu nhập HĐKD BĐS (chờ quyết toán số thực nộp khi bàn giao căn hộ)

Thu BHXH

Cộng

4 Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Công cụ, dụng cụ

Chi phí sản xuất dở dang

Thành phẩm tồn kho

Cộng

(*) **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:**

- Chi phí sản xuất dở dang hàng thủy sản :

- Chi phí sản xuất dở dang xây lắp công trình chung cư cao tầng Bến Vân Đồn

5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế TNDN nộp thừa

Thuế xuất nhập khẩu

Thuế khác

Cộng

8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	17,294,978,29
- Mua trong năm	
- DT XD/CB hoàn thành	31,015,532
- Thanh lý, nhượng bán	
Số dư cuối năm	17,325,993,82
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1,907,890,19
- Khấu hao trong năm	445,265,815
- Thanh lý, nhượng bán	
Số dư cuối năm	2,353,156,01
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	15
Số dư cuối năm	14

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.811.812.993 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình nhà máy Đồng Tâm
 Công trình nhà máy Toàn Thắng
 Công trình chung cư cao tầng Bến Vân Đồn
 Sửa chữa TSCĐ

Cộng

14 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập chi nhánh Kiên Giang
 Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

Cộng

15 Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngân hàng Ngoại thương CN Tp. HCM (*)

Cộng

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế TNDN ước tính phải nộp 2% từ thu nhập HĐKD BĐS (chờ quyết toán số thực nộp khi bàn giao căn hộ)

Cộng

18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế

Chiết khấu bộ chứng từ xuất hàng

Cổ tức cho cổ đông

Vũ Thị Tuyết Phương

Tiền mua cổ phiếu CBCNV

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

20. Vay và nợ dài hạn

Ngân hàng Ngoại thương CN Tp. HCM

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)

Cộng

Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương - CN. TP.Hồ Chí Minh theo HĐTD số 23072.

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Đồng Tâm tại cụm Công Nghiệp Thanh Bình, xã Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Nhà xưởng hình thành trong tương lai thuộc dự án vay gồm: máy móc thiết bị, nhà xưởng và quy trình sản xuất.

14 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của các cổ đông khác

Vốn góp của cổ đông trong nước

Vốn góp của cổ đông nước ngoài

Cộng

c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d. Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

e. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn

Cổ phiếu thường

Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Cổ phiếu thường

Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu thường

Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

f. Các quỹ của DN

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ dự phòng tài chính

Cộng

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển: Tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính: Phòng ngừa những biến động bất thường về tài chính.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng

Quỹ phúc lợi

Cộng

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động sản xuất

Doanh thu hoạt động dịch vụ

Doanh thu hoạt động khác

Doanh thu kinh doanh căn hộ

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại

27. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

Doanh thu thuần từ kinh doanh căn hộ

Doanh thu thuần hoạt động khác

28. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động sản xuất

Giá vốn kinh doanh căn hộ

Cộng

29. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

30. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Chi phí tài chính khác

Cộng

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Lợi nhuận từ hoạt động thủy sản

- Lợi nhuận từ kinh doanh BĐS

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các khoản điều chỉnh tăng

- Các khoản điều chỉnh giảm

Tổng thu nhập phải nộp thuế trong kỳ tính thuế

- Lợi nhuận từ hoạt động thủy sản chịu thuế

- Lợi nhuận từ kinh doanh BĐS

Lợi nhuận thủy sản phải nộp thuế

Thuế TNDN ước tính phải nộp (thủy sản - 10%)

Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm

Thu nhập tạm nộp thuế trong kỳ (Căn hộ)

Thuế suất thuế TNDN phải nộp

Thuế TNDN ước tính phải nộp trong kỳ

32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.

Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

33 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Tổng cộng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Quý 4 năm 2009, dự án văn phòng làm việc và căn hộ chung cư tại Bến Vân Đồn P. 1 - Q. 4 - Tp. HCM. Đã xây xong phần năm 2010.

Khoản nợ không khả năng thu hồi phát sinh từ cuối năm 2001 của Công TY SEATTLE có số tiền 231,065 USD tương đương 3.500.000.000 VND tính vào chi phí trong kỳ theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên họp năm 2008. Số tiền có vào chi phí của các năm tiếp theo.

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN



Số: 06.09.210/AISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4.

Kính gửi : Hội đồng Quản trị & Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4.

- - - - -

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, được lập ngày 05/02/2010 của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4 từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập, soạn thảo và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, chọn mẫu cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Tổng Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 4 tại 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của niên độ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Mỹ Huệ

Phạm Văn Vinh

Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV

Số chứng chỉ KTV: Đ0112/KTV

CÁC VỊ TRÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT

Chức vụ	Họ tên	Lĩnh vực quản lý	Tuổi	Trình độ	Số năm công tác	Thời gian bổ nhiệm
CT HĐQT	Võ Phước Hòa		54	KS nuôi trồng		7/2006
TGD	Nguyễn Văn Lực		46	12/12	6	3/2005
PTGD	Lê Thanh Năm		56	12/12	6	3/2005
PTGD	Đào T Bích Hằng		50	KS Kinh Tế	27	1/2006
PTGD	Huỳnh T Kim Anh		52	KS Thủy Sản	25	3/2005
PGĐ	Trần Văn Cường		44	Đại học	3	4/2006
PGĐ	Lý Thị Hồng Liên		58	10/12	33	10/2006
KTT	Đỗ Thanh Nga		39	KS Kinh Tế	5	8/2006

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : Võ Phước Hòa [Chức vụ]			
Giới tính	Nam	Quê quán	Xã Châu Hưng - Huyện Thanh Trì - Tỉnh Sóc Trăng
Ngày tháng năm sinh	15/11/1956	Địa chỉ thường trú	29 Lô Y CC Ngô Gia Tự - P2 - Quận 10
Nơi sinh	Sóc Trăng	Số điện thoại cơ quan	84.8.38293494
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại Học
Dân tộc		Trình độ chuyên môn	
Quá trình công tác:			

Ông/Bà : Võ Phước Hòa [Chức vụ]

- Từ 1980-1987 Cán bộ nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2
- Từ 1987-1991 Phó quản đốc , Quản đốc XN chế biến Thủy Đặc Sản
- Từ 1991- 1997 Phó Giám Đốc XN đồ hộp – Công ty XNK Thủy Đặc Sản
- Từ 1997 -2002 Giám đốc XN đồ hộp – Công ty XNK Thủy Đặc Sản
- Từ 2002 -2003 Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Thủy Đặc Sản
- Từ 2003-2005 Tổng Giám Đốc Công ty CP Thủy Đặc Sản
- Từ tháng 4/2005 Tổng Giám Đốc Công ty Thủy Sản Việt Nam
- Từ tháng 4/2006 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam
Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công Ty Cổ Phần Thủy Sản số 4

Chức vụ hiện nay	Chủ Tịch HĐQT Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ Tịch HĐQT Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm T10/2009	5.000 cổ phần. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cá nhân: ... cổ phần. ▪ Đại diện ...: ... cổ phần.
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm (Cha): ... cổ phần ... (Cha nuôi): ... cổ phần ... (Mẹ): ... cổ phần ... (Mẹ nuôi): ... cổ phần ... (Vợ): ... cổ phần ... (Chồng): ... cổ phần ... (Con): ... cổ phần ... (Anh ruột): ... cổ phần ... (Chị ruột): ... cổ phần ... (Em ruột): ... cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ngày ... tháng ... năm 2009

Xác nhận của Công ty

Người khai

SƠ YẾU LÝ LỊCH**Ông/Bà : NGUYỄN VĂN LỰC [Chức vụ] TỔNG GIÁM ĐỐC**

Giới tính NAM Quê quán Tiền Giang

Ông/Bà : NGUYỄN VĂN LỰC [Chức vụ] TỔNG GIÁM ĐỐC			
Ngày tháng năm sinh	28 /08/ 1964	Địa chỉ thường trú	130 Nguyễn Thái Bình Quận 1 Tp.Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	84.8 39543361
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Chế biến thủy hải sản

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 2000 Giám Đốc Công Ty TNHH Việt Phương
- Từ 2000 – 2001 Phó Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4
- Từ 2001- 2005 Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4
- Từ 2005 đến nay Tổng Giám Công Ty Cổ Phần Sản Số 4

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT , Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm T10/2009	715.620 cổ phần. <ul style="list-style-type: none"> ■ Cá nhân: ... cổ phần. ■ Đại diện ...: ... cổ phần.
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm (Cha): ... cổ phần ... (Cha nuôi): ... cổ phần ... (Mẹ): ... cổ phần ... (Mẹ nuôi): ... cổ phần ... (Vợ): ... cổ phần ... (Chồng): ... cổ phần ... (Con): ... cổ phần ... (Anh ruột): ... cổ phần ... (Chị ruột): ... cổ phần Trần Văn Trí (Em ruột): 210.693 cổ phần Trần Văn Tài (Em ruột) : 55.391 cổ phần Trần Văn Cường (Em ruột): 584.134 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ngày ... tháng ... năm 2009

Xác nhận của Công ty

Người khai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà ĐỖ THANH NGÀ [Chức vụ] KẾ TOÁN TRƯỞNG			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Hưng Yên
Ngày tháng năm sinh	13/11/1971	Địa chỉ thường trú	36/4 Chữ Đồng Tử - F7 – quận Tân Bình
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	84.8.39543365
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Chế Biến Thủy sản Cử Nhân Kinh Tế

Quá trình công tác:

- Từ 1996 – 1997 Làm việc tại câu lạc bộ cá cảnh Tp.HCM
- Từ 1998 – 2002 Làm tại cơ sở giấy Phước Hưng
- Từ 2003 đến nay làm tại Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4

Chức vụ hiện nay	Kế Toán Trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm ...	0 cổ phần. <ul style="list-style-type: none"> ■ Cá nhân: ... cổ phần. ■ Đại diện ...: ... cổ phần.
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm (Cha): ... cổ phần ... (Cha nuôi): ... cổ phần ... (Mẹ): ... cổ phần ... (Mẹ nuôi): ... cổ phần ... (Vợ): ... cổ phần ... (Chồng): ... cổ phần ... (Con): ... cổ phần ... (Anh ruột): ... cổ phần ... (Chị ruột): ... cổ phần ... (Em ruột): ... cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ngày ... tháng ... năm 2009

Xác nhận của Công ty

Người khai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : LÊ THANH NĂM [Chức vụ]		P.TỔNG GIÁM ĐỐC	
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	19/05/1954	Địa chỉ thường trú	90A/78A Lý Thường Kiệt – F 14 – Quận 10
Nơi sinh	Nghi Lộc - Nghệ An	Số điện thoại cơ quan	84.8.39543364
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Quản lý

Quá trình công tác:

- Từ 1979 – 1989 Cán bộ Công ty Kim Khí Khu vực II
- Từ 1989 -1994 Cửa hàng trưởng Công ty Kim Khí Khu Vực II
- Từ 1994 - 1998 Phó Giám Đốc XN Kinh doanh Kim khí số 1
- Từ 1999 - 2001 Chuyên viên Công ty Kim Khí
- Từ 2001 đến nay Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4

Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm ...	60.005 cổ phần. <ul style="list-style-type: none"> ■ Cá nhân: ... cổ phần. ■ Đại diện ...: ... cổ phần.
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm (Cha): ... cổ phần ... (Cha nuôi): ... cổ phần ... (Mẹ): ... cổ phần ... (Mẹ nuôi): ... cổ phần ... (Vợ): ... cổ phần ... (Chồng): ... cổ phần ... (Con): ... cổ phần ... (Anh ruột): ... cổ phần ... (Chị ruột): ... cổ phần ... (Em ruột): ... cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : HÙYNH THỊ KIM ANH [Chức vụ] P.Tổng Giám Đốc			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Bến Tre
Ngày tháng năm sinh	15/02/1958	Địa chỉ thường trú	326/1 Tân Phước F6 Quận 10
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	84.838554863
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Chế biến

Quá trình công tác:

- Từ 1982 – 2001 Công tác tại Công Ty XNK& CB Thủy Sản Đông Lạnh 4
- Từ 6/2001 – 9/2001 Quản đốc phân xưởng Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4
- Từ 9/2001 đến nay Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4

Chức vụ hiện nay	Ủy Viên HĐQT , Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm ...	5.123 cổ phần. <ul style="list-style-type: none"> ■ Cá nhân: ... cổ phần. ■ Đại diện ...: ... cổ phần.
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm (Cha): ... cổ phần ... (Cha nuôi): ... cổ phần ... (Mẹ): ... cổ phần ... (Mẹ nuôi): ... cổ phần ... (Vợ): ... cổ phần ... (Chồng): ... cổ phần ... (Con): ... cổ phần ... (Anh ruột): ... cổ phần ... (Chị ruột): ... cổ phần ... (Em ruột): ... cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Xác nhận của Công ty

Ngày ... tháng ... năm 2009

Người khai

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà TRẦN VĂN CƯỜNG - [Chức vụ] Giám Đốc

Ông/Bà TRẦN VĂN CƯỜNG - [Chức vụ] Giám Đốc			
Gới tính	Nam	Quê quán	Tiền Giang
Ngày tháng năm sinh	05/07/1967	Địa chỉ thường trú	144 Ký Con – P.Nguyễn Thái Bình – Quận 1
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	0773.616753
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Tổng hợp kỹ thuật
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ 01/04/2006 – 8/2009 Phó Giám Đốc Kinh Doanh Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4- Kiên Giang ▪ Từ 1/09/2009 đến nay Giám đốc Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4- Kiên Giang 			
Chức vụ hiện nay		Giám Đốc CN Kiên Giang	

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà NGUYỄN TẤN PHONG - [Chức vụ] Trưởng Phòng Kinh Doanh			
Gới tính	Nam	Quê quán	Vĩnh Long
Ngày tháng năm sinh	13/11/1971	Địa chỉ thường trú	78/15 PhạmViết Chánh - P 19 – Quận Bình Thạnh
Nơi sinh	Thành phố	Số điện thoại cơ quan	0773.616752
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc		Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Thủy Sản
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ tháng 10/1993 đến tháng 8/2006 Công tác tại phòng Kế hoạch Công ty XNK và Chế Biến Thủy Sản 4 ▪ Từ tháng 8/2006 Trưởng phòng kế hoạch Chi nhánh Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 4 – Kiên Giang 			
Chức vụ hiện nay		Trưởng phòng Kế hoạch và thành viên Ban kiểm soát	

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG - [Chức vụ]			
Gới tính	Nữ	Quê quán	Hải Dương

Ông/Bà : NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG - [Chức vụ]			
Ngày tháng năm sinh	04/02/1972	Địa chỉ thường trú	578 B KP4 – P.An Phú – Quận 2
Nơi sinh	Hải Dương	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 38234290
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ■ Từ 1993 – 1996 Kế toán tổng hợp Xí nghiệp mặt hàng mới ■ Từ 4/1996 – 4/2001 Kế toán Ban TC – KT Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam ■ Từ 5/2001 – 7/2006 Kế toán trưởng Công Ty Du Lịch và Dịch vụ Tổng hợp ■ Từ 8/2006 đến nay Phó ban TC – KT Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam 			
Chức vụ hiện nay		Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty CP Thủy Sản Số 4	

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : VÕ THỊ THANH TRANG - [Chức vụ] TP.Kế hoạch			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Đồng Tháp
Ngày tháng năm sinh	27/05/1973	Địa chỉ thường trú	Số 5 Đường 16 – F 4 – Quận 8
Nơi sinh	Sài Gòn	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 39543367 0673.541903
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ■ Từ 1994 – 3/2006 Nhân viên XNK và thống kê P.SXKD ■ Từ 4/2006 – 10/2006 Trưởng phòng SXKD Chi nhánh Kiên Giang ■ Từ 8/2006 đến nay Trưởng phòng SXKD CN Công Ty CP Thủy Sản Số 4 – Đồng Tâm 			
Chức vụ hiện nay		Thành viên Ban Kiểm Soát Công Ty CP Thủy Sản Số 4, Trưởng phòng Kinh Doanh CN Đồng Tâm	

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông/Bà : ĐÀO THỊ BÍCH HẰNG - [Chức vụ] Phó Tổng Giám Đốc			
---	--	--	--

Ông/Bà : ĐÀO THỊ BÍCH HẰNG - [Chức vụ] Phó Tổng Giám Đốc			
Gới tính	Nữ	Quê quán	Hải Phòng
Ngày tháng năm sinh	01/11/1960	Địa chỉ thường trú	195/12 K Điện Biên Phủ – Quận Bình Thạnh
Nơi sinh	Quảng Ninh	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 39543363
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ■ Từ 1981 -1982 Giáo viên trường THCS Gia Viên , Hải Phòng ■ Từ 1982 – 1983 Công tác tại nhà máy Giày Sài Gòn ■ Từ 1983 – 2006 Trưởng Phòng Kinh doanh Cty CP Thủy Sản Số 4 ■ Từ 2006 đến nay Thành viên HĐQT , Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Thủy Sản Số 4 			
Chức vụ hiện nay		Thành viên HĐQT , P.Tổng Giám Đốc Công Ty CP Thủy Sản Số 4	

- Các công ty có liên quan: không
- Thay đổi Giám Đốc (Tổng Giám Đốc) điều hành trong năm: không
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Vhủ tịch, Ban Giám Đốc, Ban kiểm sát, kế toán trưởng : không.

CƠ CẤU VỐN CHỦ SỞ HỮU HIỆN TẠI

Đơn vị/Cá nhân có sở hữu tại khách hàng	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ % trong vốn tổng sở hữu
1. Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam	13.162.500.000	15,54%
2. Vốn góp cổ đông trong nước	51.282.380.000	60,54%
3. Vốn góp cổ đông nước ngoài	20.258.620.000	23,92%

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2010
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY